TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/DS-ST
Ngày: 18-9-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Thật

Bà Nguyễn Thị Mỹ Chí

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa*:** Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1944.

Cư trú: đường C, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho bà L: Bà H, sinh năm 1964,

Cư trú: đường C, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà T, sinh năm 1972.

Cư trú: đường C, tổ J, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt bà H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà T tham gia).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 30/4/2015 bà L cho bà T vay số tiền 50.000.000đ, không tính lãi suất, thời hạn trả nợ trong vòng 05 năm, có làm giấy mượn tiền do bà T viết và ký tên. Trong quá trình vay, mỗi tháng bà T trả từ 200.000 đồng đến 600.000 đồng, và đến tháng 10 năm 2018 bà T đã trả được 25.000.000 đồng. Đến tháng 01/2019 bà T trả thêm số tiền 5.000.000 đồng nữa. Như vậy đến tháng 01/2019 bà T đã trả được cho bà L tổng số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng. Mỗi lần trả nợ bà T đều ghi trong sổ do bà T giữ. bà L không có thỏa thuận cho bà T số tiền 20.000.000 đồng.

Số tiền nợ còn lại 20.000.000 đồng bà T không tiếp tục trả cho bà L. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả số tiền còn nợ lại 20.000.000 đồng, tại phiên tòa bà L rút lại yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà T trình bày:

Cuối năm 2009 bà có vay của bà L số tiền 30.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền lãi, có làm giấy biên nhận do bà viết và ký tên. Bà đã đóng lãi cho bà L được 04 năm từ lúc vay cuối năm 2009 đến cuối năm 2013 (04 năm) được số tiền 432.000.000 đồng.

Cuối năm 2013, bà đóng lãi cho bà L không nổi nên bà bỏ trốn khoảng hơn hai tháng. Tháng 3 năm 2014 bà trở về nhà và có lại nhà bà L xin trả vốn 30.000.000 đồng nhưng bà L không đồng ý, bà L yêu cầu bà phải ghi giấy mượn tiền với nội dung thiếu bà L số tiền 50.000.000đ đồng kể từ ngày 30/4/2015 trả trong vòng 05 năm. Nếu không ghi thì bà L kêu xã hội đen đến nhà bà quậy. Do sợ bị xã hội đen quậy nên bà mới ghi giấy mượn tiền này. Bà chấp nhận nợ bà L số tiền 50.000.000 đồng. Không có ai chứng kiến việc bà L ép buộc, đe dọa bà phải viết giấy mượn tiền.

Từ ngày 30/4/2014 đến tháng 10/2018 bà có trả cho bà L mỗi tháng từ 200.000 đồng đến 600.000 đồng được số tiền 25.000.000đ đồng và sau đó trả thêm được 5.000.000 đồng cho bà L, tổng cộng là 30.000.000 đồng. Khi bà trả thêm số tiền 5.000.000 đồng, bà L đã đồng ý cho bà số nợ 20.000.000 đồng, không đòi nữa, việc này không có làm biên bản và không có ai chứng kiến.

Bà không đồng ý trả cho bà L số tiền 20.000.000đ vì bà L đã hứa không đòi số tiền này. Bà không có yêu cầu đối với số tiền lãi 432.000.000 đồng mà bà đã đóng cho bà L và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà L khởi kiện bà T tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Bà L ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng, việc ủy quyền này phù hợp Điều 562 Bộ luật dân sự, bà H tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà L căn cứ "Giấy mượn tiền" ngày 30/4/2015 do bà T xác lập, chữ viết trong biên nhận do bà T viết với nội dung bà T vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả 5 năm, bà L thừa nhận bà T đã thanh toán 30.000.000 đồng (trả nhiều lần do bà T ghi sổ theo dõi là 25.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền mặt), số tiền còn lại 20.000.000 đồng bà T không thanh toán khi hết thời hạn trả nên bà L khởi kiện yêu cầu thanh toán. Hợp đồng vay giữa bà L và bà T xác lập phù hợp Điều 463 Bộ luật dân sự. Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về số tiền vốn: Hết thời hạn vay 05 năm (30/4/2015 – 30/4/2020) nhưng bà T không thanh toán số tiền 20.000.0000 đồng còn lại, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà T trả số tiền vốn vay 20.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Tại phiên tòa bà L rút lại không yêu cầu giải quyết sẽ được đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự

[2.4] Bà T cho rằng thực tế bà chỉ nợ bà L số tiền 30.000.000 đồng, nhưng do bà L yêu cầu viết biên nhận nợ với số tiền 50.000.000 đồng, trong đó có 20.000.000 đồng tiền lãi, năm 2018 con bà L là H có đến nhà bà quấy rối yêu cầu thanh toán số tiền nợ 20.000.000 đồng của mẹ bà nhưng sau đó gia đình bà L đồng ý xóa số tiền nợ 20.000.000 đồng, bà cung cấp đoạn ghi âm. Tuy nhiên, bà L không thừa nhận việc xóa nợ, đoạn ghi âm cũng không có nội dung nào xóa nợ, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thanh toán hoặc được bà L đã xóa số tiền nợ 20.000.000 đồng nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L thuộc trường hợp được miễn án phí. Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận, nên bà T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L:

[1] Buộc bà T có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

bà T có trách nhiệm nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền án phí.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Quốc Việt